

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả rà soát định kỳ hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 -2025;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và biểu mẫu báo cáo;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và biểu mẫu báo cáo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 49/TTr-SLĐTBXH ngày 14/3/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả rà soát định kỳ hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

a) Hộ nghèo:

- Số hộ nghèo đầu năm 2022 là 4.870 hộ. Số hộ thoát nghèo trong năm 2.481 hộ, số hộ nghèo phát sinh 485 hộ, số hộ tái nghèo: 05 hộ.

- Số hộ nghèo cuối năm 2022 là: 2.879 hộ, tỷ lệ 1,03% trên tổng số hộ dân, trong đó:

+ Khu vực nông thôn: 2.765 hộ, tỷ lệ 2,19% trên tổng số hộ dân.

+ Khu vực thành thị: 114 hộ, tỷ lệ 0,13% trên tổng số hộ dân.

b) Hộ cận nghèo: 3.062 hộ, tỷ lệ 1,09% trên tổng số hộ dân, trong đó

- Khu vực nông thôn: 2.804 hộ, tỷ lệ 1,44% trên tổng số hộ dân

- Khu vực thành thị: 258 hộ, chiếm 0,30% trên tổng số hộ dân.

(Chi tiết kèm theo biểu mẫu từ 7.1-7.11)

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ LĐTBXH;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- LĐVP, Phòng KGVX, TH;
- Lưu: VT, KGVX (Ch-05).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh